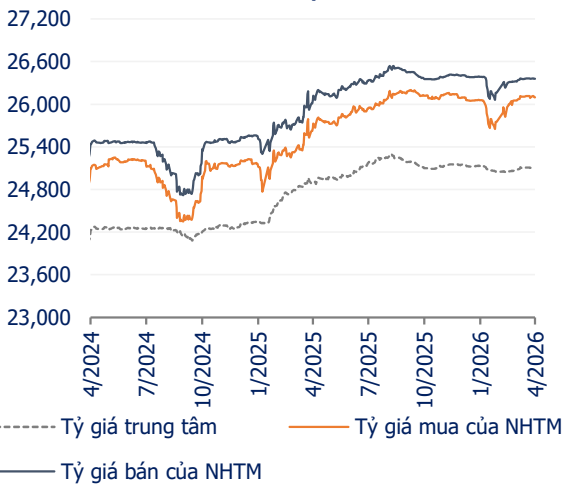
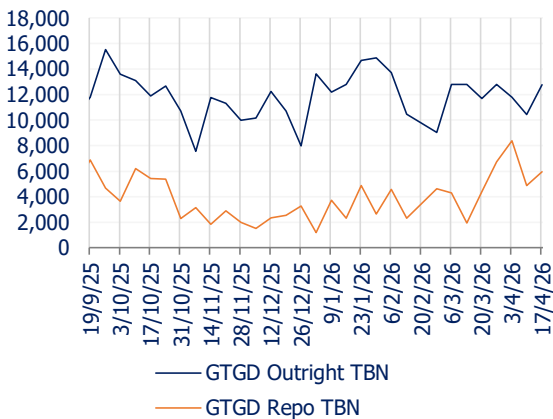


TỶ GIÁ USD/VND

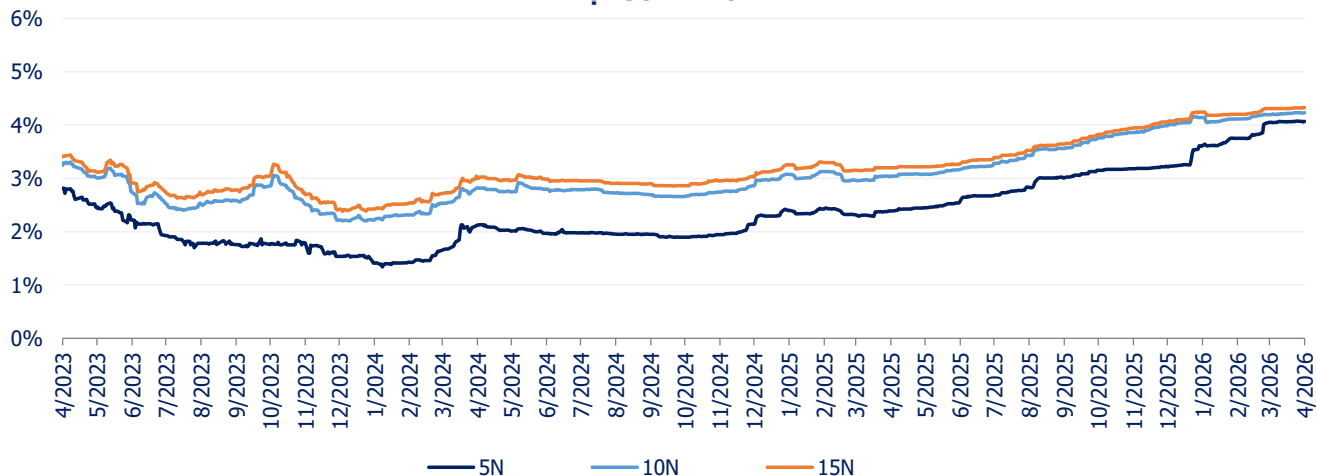


GTGD TRUNG BÌNH PHIÊN OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: Tỷ VND

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TPCP - VBMA



THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Kết tuần, trong khi lãi suất qua đêm ON giảm 196 đcb xuống mức 3.98%, lãi suất kỳ hạn 1W giảm 155 đcb xuống mức 4.94%. Ngoài ra, lãi suất kỳ hạn 6 tháng giảm 102 đcb về mức 7.24% và kỳ hạn 9 tháng giữ nguyên ở mức 8.3%. Chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm và 1W trung bình nở rộng khoảng 30 đcb. Tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ báo cáo đạt 3.84 triệu tỷ đồng, trong đó 2 kỳ hạn ON và 1W chiếm 98.1%.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Kết tuần, tỷ giá trung tâm giảm 1 VND/USD so với tuần trước, xuống mức 25,102 VND/USD. Ngoài ra, tỷ giá niêm yết tại Vietcombank tăng 7 VND/USD lên 26,127 VND/USD ở chiều mua và giảm 1 VND/USD xuống 26,357 VND/USD ở chiều bán.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Ngày 15/04/2026, KBNN đã gọi thầu tổng cộng 13,500 tỷ đồng TPCP ở nhiều kỳ hạn. Trái phiếu kỳ hạn 15 năm và 30 năm không trúng thầu. Tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 10 năm đạt lần lượt 18% và 83%. Từ đầu năm 2026 đến ngày 15/4, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 95,866 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 19.2% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026. Trong tuần tới, KBNN sẽ gọi thầu 17,500 tỷ đồng ở 4 kỳ hạn (5, 10, 15 và 20 năm).

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) đạt 93,553 tỷ đồng, trong đó GTGD thông thường (outright) trung bình ngày tăng 22.1% so với kỳ trước, GTGD mua bán lại (repo) trung bình ngày tăng 22% so với kỳ trước. Khối ngoại mua ròng khoảng 462 tỷ đồng trong kỳ báo cáo. Lợi suất trung bình TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn so với tuần trước đó, và đi ngang ở kỳ hạn 15 năm và 20 năm.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu do VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 17/04/2026, có 3 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 4 năm 2026. Với tổng khối lượng đạt 8,000 tỷ đồng.

Báo cáo tuần

Thị trường tiền tệ

Nghiệp vụ thị trường mở: Trong kỳ báo cáo, NHNN đã bơm ra thị trường 56,859 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) ở kỳ hạn ngày 7 ngày, 35 ngày và 56 ngày với mức lãi suất 4.5%/năm.

Kết tuần, gần 129.3 nghìn tỷ đồng trên kênh mua kỳ hạn đã đáo hạn và được rút khỏi hệ thống. Qua đó, NHNN hút ròng khoảng 72.5 nghìn tỷ, lượng OMO lưu hành đạt 216 nghìn tỷ.

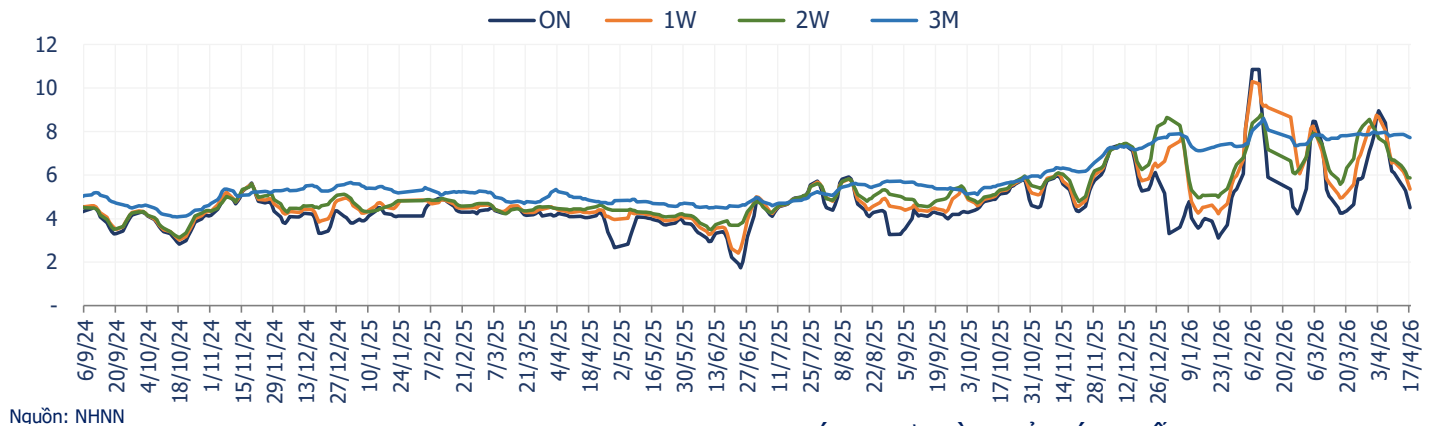
Lãi suất liên ngân hàng: Kết tuần, trong khi lãi suất qua đêm ON giảm 196 đcb xuống mức 3.98%, lãi suất kỳ hạn 1W giảm 155 đcb xuống mức 4.94%. Ngoài ra, lãi suất kỳ hạn 6 tháng giảm 102 đcb về mức 7.24% và kỳ hạn 9 tháng giữ nguyên ở mức 8.3%. Chênh lệch lãi suất USD và VND kỳ hạn qua đêm và 1W trung bình nới rộng khoảng 30 đcb.

Khối lượng giao dịch: Tổng giá trị giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong kỳ báo cáo giảm 7.1% so với kỳ trước, đạt mức 3.84 triệu tỷ đồng. Trong đó, kỳ hạn qua đêm (ON) và 1 tuần (1W) có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt khoảng 3.71 triệu tỷ đồng và 55 nghìn tỷ đồng. Hai kỳ hạn trên chiếm 98.1% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

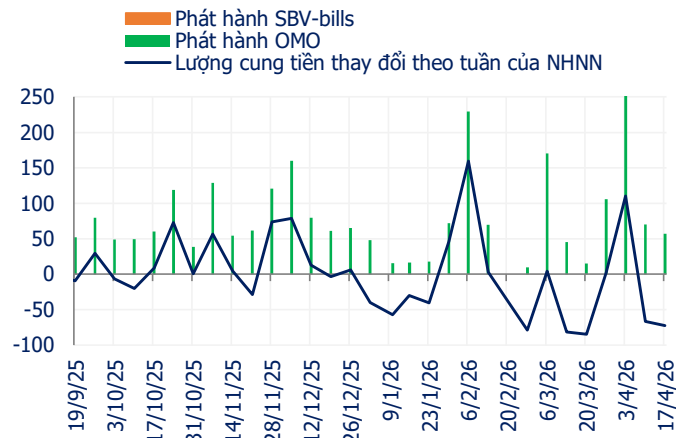
LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

Đvt : %	TB 5 ngày	17/4/2026	10/4/2026	+/- so tuần trước (đcb)	+/- so tháng trước (đcb)
ON	4.51	3.98	5.94	-196	-9
1W	5.35	4.94	6.49	-155	-34
2W	5.86	6.45	6.56	-11	87
1M	6.93	7.26	7.56	-30	-3
3M	7.71	7.57	7.83	-26	-8
6M	7.79	7.24	8.26	-102	-37
9M	8.30	8.30	8.30	0	48

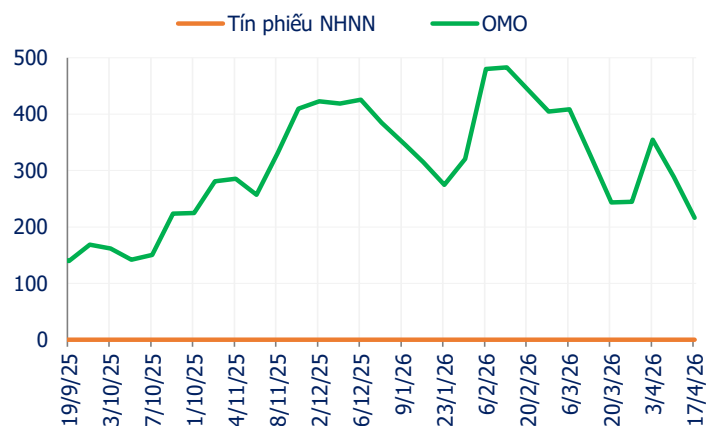
BÌNH QUÂN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



ĐẦU THẦU TÍN PHIẾU NHNN VÀ OMO



GIÁ TRỊ LƯU HÀNH CỦA TÍN PHIẾU NHNN VÀ OMO



Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Nguồn: NHNN

Báo cáo tuần

Thị trường ngoại hối

Tỷ giá USD/VND: Kết tuần, tỷ giá trung tâm giảm 1 VND/USD so với tuần trước, xuống mức 25,102 VND/USD. Ngoài ra, tỷ giá niêm yết tại Vietcombank tăng 7 VND/USD lên 26,127 VND/USD ở chiều mua và giảm 1 VND/USD xuống 26,357 VND/USD ở chiều bán.

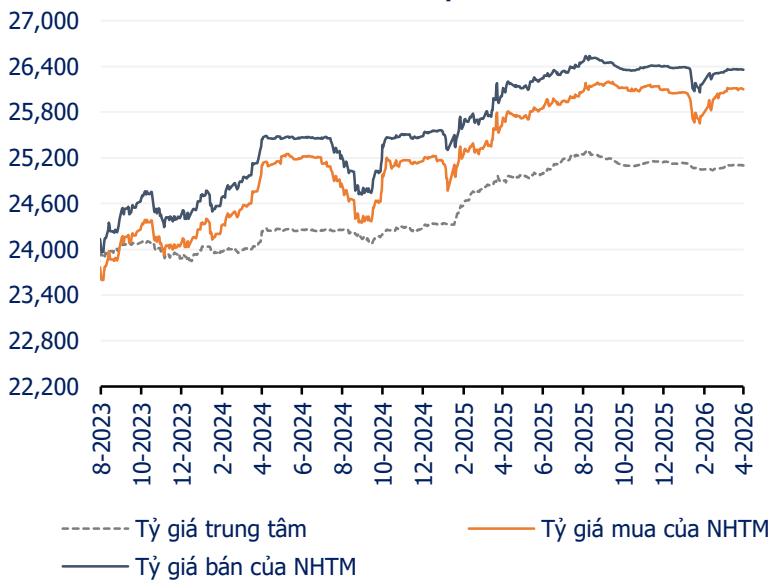
Thị trường ngoại tệ: Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 3 của Mỹ tăng 0,5% so với tháng trước, thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng 1,1%, trong khi PPI lõi chỉ tăng 0,1% so với dự báo 0,5%. Số liệu cho thấy áp lực lạm phát tại khâu sản xuất được kiểm soát tốt hơn kỳ vọng dù giá xăng vẫn là nhân tố dẫn dắt chính.

Ngày 17/4, Iran tuyên bố eo biển Hormuz hoàn toàn mở cửa trở lại cho tàu thuyền thương mại, kéo giá dầu WTI lao dốc hơn 11% xuống còn khoảng 83,85 USD/thùng, mức thấp nhất kể từ đầu tháng 3, trong khi Brent giảm khoảng 9% xuống 90,38 USD/thùng.

Chỉ số đô la Mỹ (DXY) đã giảm 0,8% so với tuần trước xuống 98,2 điểm. Đồng EUR và GBP lần lượt tăng 0,5% và 0,4% so với đồng USD. Đồng JPY tăng nhẹ với tỷ giá USD/JPY về mức 158,58.

Tuần tới, một số dữ liệu kinh tế Mỹ sẽ được công bố, bao gồm doanh số bán lẻ tháng 3 (21/4) và chỉ số PMI sơ bộ tháng 4.

TỶ GIÁ USD/VND



Nguồn: NHNN

TỶ GIÁ TRUNG TÂM

Ngày	Tỷ giá	% Thay đổi
6/4/2026	25,106	
7/4/2026	25,108 ▲	0.008%
8/4/2026	25,106 ▼	-0.008%
9/4/2026	25,102 ▼	-0.016%
10/4/2026	25,105 ▲	0.012%
13/4/2026	25,106 ▲	0.004%
14/4/2026	25,106	0.000%
15/4/2026	25,103 ▼	-0.012%
16/4/2026	25,102 ▼	-0.004%
17/4/2026	25,102	0.000%

TỶ GIÁ CÁC ĐỒNG TIỀN CHÍNH

	17/4/2026	10/4/2026	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
USD/VND	26,335	26,336	0.00%	8.26%
EUR/USD	1.176	1.172	0.38%	7.46%
USD/CNY	6.818	6.828	-0.15%	-4.55%
USD/JPY	158.640	159.300	-0.41%	11.73%
GBP/USD	1.352	1.346	0.41%	7.16%
USD index	98.100	98.650	-0.56%	-4.01%

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Thị trường TPCP sơ cấp

Trái phiếu Chính phủ: Vào ngày 15/04/2026, Kho bạc Nhà nước đã gọi thầu tổng cộng 13,500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ), 10 năm (11,000 tỷ), 15 năm (1,000 tỷ) và 30 năm (500 tỷ).

Trái phiếu kỳ hạn 15 năm và 30 năm không trúng thầu. Tỷ lệ trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 10 năm đạt lần lượt 18% và 83%. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tăng 1 đcb so với phiên trước đó.

Từ đầu năm 2026 đến ngày 15/4, Kho bạc Nhà nước đã huy động gần 95,866 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, đạt khoảng 19.2% kế hoạch phát hành 500,000 tỷ đồng trong năm 2026.

Trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm được phát hành nhiều nhất với giá trị lần lượt 94,011 tỷ và 950 tỷ đồng, chiếm khoảng 99.1% tổng giá trị kể từ đầu năm. Trái phiếu 5 năm xếp thứ 3 với 905 tỷ đồng.

Kế hoạch đấu thầu từ 20/4 - 24/4/2026: Trong tuần tới, Kho bạc Nhà nước sẽ gọi thầu 17,500 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ), 10 năm (15,000 tỷ), 15 năm (1,000 tỷ) và 20 năm (500 tỷ).

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 13/4 - 17/4/2026)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kỳ hạn (năm)	GTGT	GTĐT	GTTT	LSTT (%)	Thay đổi (đcb)
1	15/4/2026	KBNN	TD2631008	5	1,000	380	180	3.8	-
2	15/4/2026	KBNN	TD2636022	10	11,000	11,400	9,100	4.14	1
3	15/4/2026	KBNN	TD2641037	15	1,000	400	0	-	-
4	15/4/2026	KBNN	TD2656066	30	500	0	0	-	-

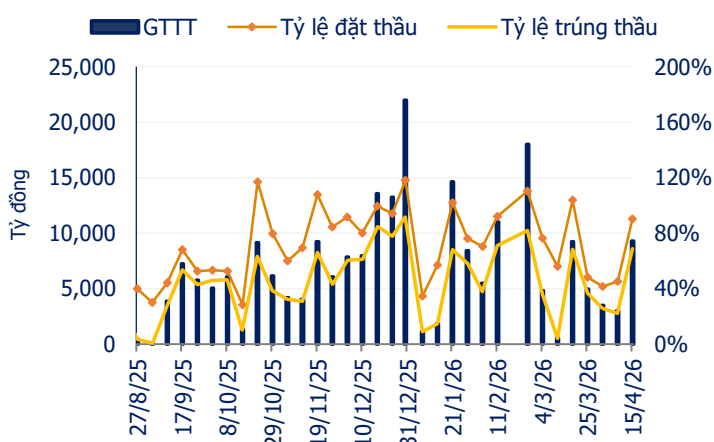
Đơn vị: Tỷ đồng

Kế hoạch đấu thầu từ 20/4 - 24/4/2026

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ)
1	22/4/2026	KBNN	TD2631008	Bổ sung	5	1,000
2	22/4/2026	KBNN	TD2636023	Bổ sung	10	15,000
3	22/4/2026	KBNN	TD2641037	Bổ sung	15	1,000
4	22/4/2026	KBNN	TD2646056	Lần đầu	20	500

Đơn vị: Tỷ đồng

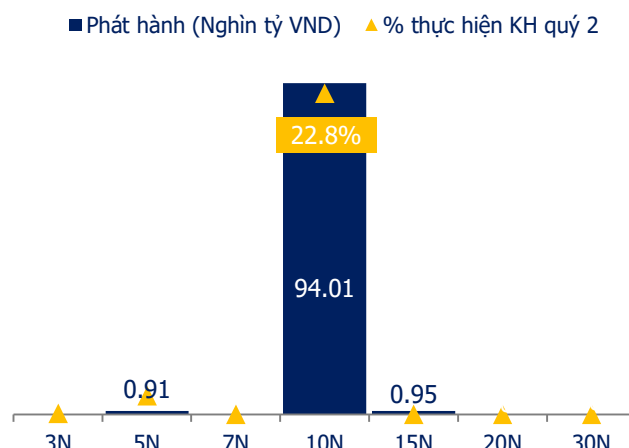
GIÁ TRỊ GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU TPCP



Nguồn: HNX

* Chú thích: Dữ liệu VBMA tổng hợp tính đến ngày 17/4/2026

GTPH TPCP THEO KỲ HẠN Q2.2026



Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

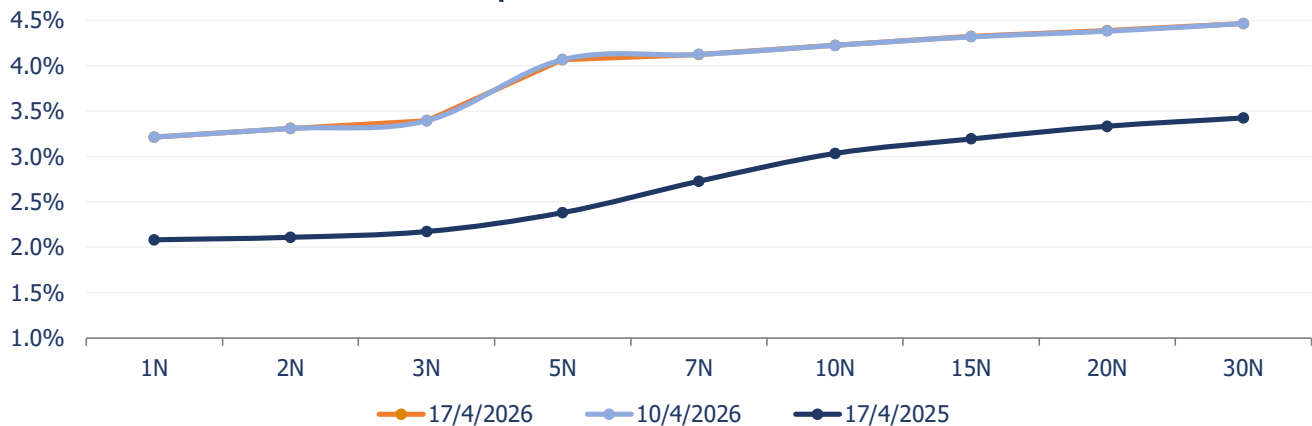
Thị trường TPCP thứ cấp

Tình hình giao dịch: Trong kỳ báo cáo, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt 93,553 tỷ đồng; trong đó, GTGD outright chiếm khoảng 68% GTGD outright trung bình ngày là 12,761 tỷ đồng (tăng 22.1% so với kỳ trước) và GTGD repo trung bình ngày là 5,950 tỷ đồng (tăng 22.1% so với kỳ trước).

Nhà đầu tư nước ngoài: Khối ngoại mua ròng khoảng 462 tỷ đồng trong tuần qua. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng giá trị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài đạt khoảng 5,470 tỷ đồng.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ (theo VBMA): Lợi suất trung bình TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn so với tuần trước đó, và đi ngang ở kỳ hạn 15 năm và 20 năm.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA

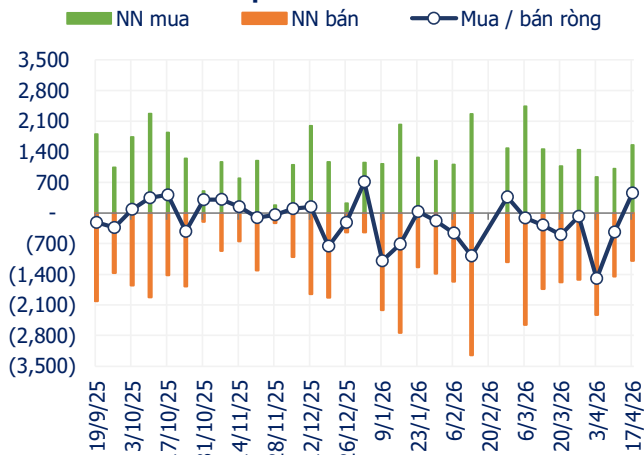


BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT PHÒNG GIAO DỊCH VBMA

	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
17/4/2026	3.21%	3.31%	3.40%	4.07%	4.13%	4.23%	4.32%	4.39%	4.46%
10/4/2026	3.21%	3.31%	3.40%	4.07%	4.13%	4.23%	4.32%	4.38%	4.47%
17/4/2025	2.08%	2.11%	2.17%	2.38%	2.73%	3.04%	3.20%	3.33%	3.43%
WoW (đcb)	0.16	0.20	0.00	-0.26	-0.04	0.06	0.36	0.32	-0.22
YoY (đcb)	113.16	120.00	122.30	168.32	139.76	119.04	112.80	105.32	103.78

Nguồn: VBMA

GIAO DỊCH NHẬT NN 2025 - 2026

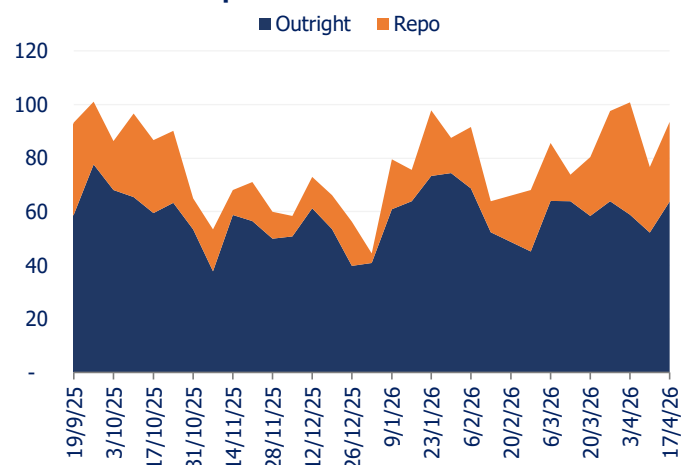


* Chú thích: Dữ liệu VBMA tổng hợp tính đến ngày 17/4/2026

Đơn vị: tỷ

Nguồn: HNX

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 4/2026:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 17/04/2026, có 3 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 4 năm 2026. Với tổng khối lượng là 8,000 tỷ đồng trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bất động sản.

Lũy kế từ đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 48,139 tỷ đồng, với 14 đợt phát hành ra công chúng trị giá 15,334 tỷ đồng (chiếm 31.9% tổng giá trị phát hành) và 12 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 32,805 tỷ đồng (chiếm 68.15% tổng số).

Trái phiếu doanh nghiệp được mua lại trong tháng 4/2026:

Các doanh nghiệp đã mua lại 2,518 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 4. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng giá trị trái phiếu đã được mua lại trước hạn đạt 13,818 tỷ đồng, giảm 57.5% so với năm 2025. Bất động sản là nhóm ngành dẫn đầu, chiếm khoảng 60.2% tổng giá trị mua lại trước hạn (tương ứng khoảng 8,331 tỷ đồng).

**Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành và ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX và có thể được thay đổi theo việc công bố thông tin trên chuyên trang của HNX. Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến hết ngày công bố thông tin 17/04/2026. (Chi tiết trong Phụ lục 2)*

Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn:

Trong phần còn lại của năm 2026, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 164,637 tỷ đồng. 57% giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với 92,943 tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với 22,756 tỷ đồng (chiếm 14%).

Giao dịch TPDN phát hành riêng lẻ:

Trong kỳ báo cáo, giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trung bình ngày đạt 5,609 tỷ đồng, tăng 51.26% so với tuần trước. Các tổ chức phát hành có trái phiếu được giao dịch nhiều nhất là NHTMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (3,548 tỷ đồng), NHTMCP Phương Đông (2,295 tỷ đồng) và NHTMCP Á Châu (1,851 tỷ đồng). Tính từ đầu năm đến nay, tổng giá trị giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt khoảng 398 nghìn tỷ đồng.

Kế hoạch phát hành TPDN năm 2026:

CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa (SBT)

HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa đã thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa gần 1,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSDB và mệnh giá dự kiến 100 nghìn đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 2 năm với mức lãi suất 9.5%/năm.

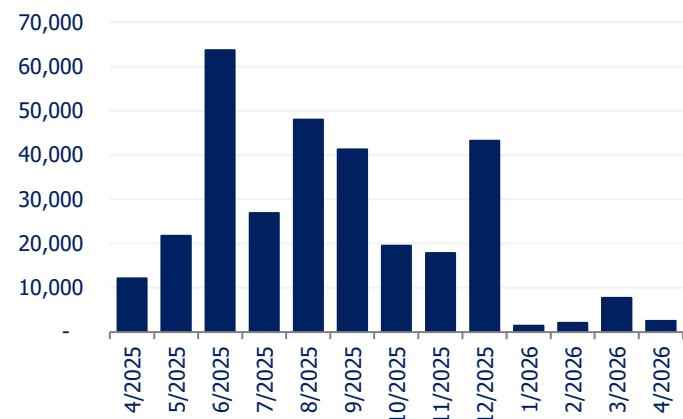
CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

HĐQT CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa gần 5,000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có TSDB và mệnh giá dự kiến 100 nghìn đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn tối đa 2 năm với lãi suất cố định kết hợp thả nổi.

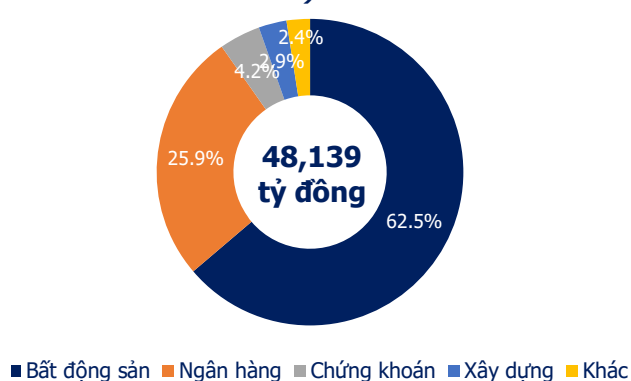
CTCP F88 (F88)

HĐQT CTCP F88 đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2026 với tổng giá trị tối đa gần 1,500 tỷ đồng. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có TSDB và mệnh giá dự kiến 100 triệu đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn tối đa 2 năm với lãi suất 11%/năm.

GT MUA LẠI TPDN 2025 - 2026



GT PHÁT HÀNH THEO NHÓM NGÀNH 2026 (Lũy kế)



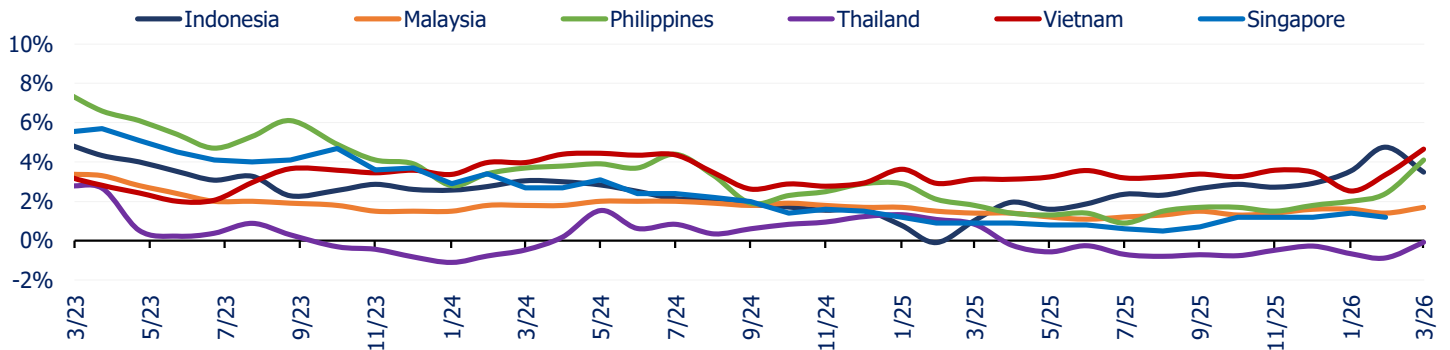
Đơn vị: tỷ đồng

Báo cáo tuần

Tin quốc tế

Ngày	Nền kinh tế	Ngoại Tệ	Sự kiện
21/04/2026	Mỹ	USD	Doanh số bán lẻ tháng 3
22/04/2026	Anh	GBP	Chỉ số CPI tháng 3
22/04/2026	Mỹ	USD	Dự trữ dầu thô
23/04/2026	Mỹ	USD	Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu
23/04/2026	Mỹ	USD	Chỉ số PMI dịch vụ tháng 4

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC



Nguồn: Trading Economics

LỢI SUẤT TPCP KỲ HẠN 5 NĂM CỦA CÁC NƯỚC

Đvt: %	Trung Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T4 2024	2.13	0.45	3.73	6.45	2.44	4.56	2.08
T5 2024	2.09	0.55	3.74	6.50	2.52	4.50	2.04
T6 2024	2.03	0.56	3.67	6.36	2.50	4.32	1.99
T7 2024	1.95	0.60	3.62	6.16	2.41	4.16	1.98
T8 2024	1.87	0.48	3.50	6.02	2.30	3.71	1.96
T9 2024	1.76	0.50	3.51	5.89	2.25	3.49	1.94
T10 2024	1.79	0.82	3.57	5.60	2.24	3.91	1.92
T11 2024	1.71	0.69	3.64	5.80	2.19	4.23	1.94
T12 2024	1.47	0.73	3.62	5.94	2.12	4.25	2.15
T1 2025	1.40	0.85	3.62	5.99	2.13	4.46	2.35
T2 2025	1.49	1.01	3.62	5.82	2.08	4.28	2.40
T3 2025	1.65	1.12	3.56	5.79	1.90	4.04	2.32
T4 2025	1.52	0.89	3.43	5.81	1.63	3.91	2.38
T5 2025	1.54	0.96	3.27	5.86	1.64	4.07	2.45
T6 2025	1.52	1.00	3.23	5.91	1.50	3.96	2.58
T7 2025	1.54	1.05	3.16	5.95	1.37	3.95	2.69
T8 2025	1.61	1.10	3.10	5.86	1.21	3.76	2.85
T9 2025	1.62	1.17	3.15	5.83	1.17	3.66	3.02
T10 2025	1.60	1.22	3.23	5.75	1.31	3.65	3.13
T11 2025	1.55	1.27	3.24	5.55	1.46	3.67	3.18
T12 2025	1.61	1.46	3.28	5.65	1.33	3.70	3.22
T1 2026	1.61	1.63	3.28	5.71	1.34	3.78	3.54
T2 2026	1.56	1.66	3.29	5.56	1.29	3.69	3.72
T3 2026	1.55	1.67	3.38	6.30	1.52	3.84	3.97
T4 2026	1.54	1.78	3.43	6.57	1.66	3.97	4.06

Nguồn: VBMA, ThaiBMA, US Treasury, Investing.com

LS tăng

LS giảm

Báo cáo tuần

Phụ lục 1

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 13/4 - 17/4/2026)

STT	Mã TP	TCPH	Kì hạn (năm)	Ngày TPCP	GTGT	GTĐT	GTTT	LSTT (%)	Thay đổi (đcb)
1	TD2631008	KBNN	5	15/4/2026	1,000	380	180	3.8	-
2	TD2636022	KBNN	10	15/4/2026	11,000	11,400	9,100	4.14	1
3	TD2641037	KBNN	15	15/4/2026	1,000	400	0	-	-
4	TD2656066	KBNN	30	15/4/2026	500	0	0	-	-

Đơn vị: Tỷ đồng

Kế hoạch đấu thầu từ 20/4 - 24/4/2026

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ)
1	22/4/2026	KBNN	TD2631008	Bổ sung	5	1,000
2	22/4/2026	KBNN	TD2636023	Bổ sung	10	15,000
3	22/4/2026	KBNN	TD2641037	Bổ sung	15	1,000
4	22/4/2026	KBNN	TD2646056	Lần đầu	20	500

Kế hoạch phát hành Trái phiếu Chính phủ Q2/2026

STT	Kỳ hạn	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1	3 năm	2,000	0	0%
2	5 năm	20,000	265	1.3%
3	7 năm	2,000	0	0%
4	10 năm	68,000	15,500	23%
5	15 năm	14,000	0	0%
6	20 năm	2,000	0	0%
7	30 năm	2,000	0	0%
Tổng mức phát hành		110,000	15,765	14.3%

Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kì hạn gốc (năm)	Kì hạn còn lại (năm)	LS Giao dịch (%)
1	TD2434026	5,883	10	8.4	3.1648 - 3.18
2	TD2434024	4,017	10	8.2	2.6998 - 3.1651
3	TD2151042	3,218	30	24.7	4.467 - 4.4699
4	TD2535023	2,872	10	8.9	3.0145 - 4.2325
5	TD1530290	2,667	15	4.2	3.7 - 4.19
6	TL1545363	2,310	30	19.7	4.0002 - 4.2113
7	TD2040031	2,237	20	13.7	3.6014 - 4.5
8	TD2434025	2,127	10	8.3	2.703 - 3.1702
9	TD2030135	2,064	10	4.7	3.9499 - 4.1042
10	TD1636502	2,050	20	10.5	3.7302 - 3.7309

Báo cáo tuần

Phụ lục 2

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 1, tháng 2, tháng 3 và tháng 4

TÊN DOANH NGHIỆP	NHÓM NGÀNH	GIPH (TỶ ĐỒNG)	MÃ TRÁI PHIẾU	CÁCH THỨC PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT (%/NĂM)	NGÀY PHÁT HÀNH	KỶ HẠN
CTCP NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN	1000	BAF126003	CÔNG CHỨNG	10%/NĂM	5/1/2026	3
CTCP TẬP ĐOÀN KHAI HOÀN LAND	BẤT ĐỘNG SẢN	190	KHG12601	RIÊNG LẺ	2 KỶ ĐẦU: 13.5%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTC + 4.5%/NĂM	6/1/2026	5
CTCP KINH DOANH F88	TÀI CHÍNH	300	F88126002	CÔNG CHỨNG	10%/NĂM	10/1/2026	2
NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	2221	CTG2634T2/01	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 1.25%/NĂM	20/1/2026	8
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1985	BIDL2633001C	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 1.6%/NĂM, NẾU TCHP KHÔNG MUA LẠI VÀO NGÀY THỰC HIỆN MUA LẠI, LS TỬ KỶ THỨ 11 = LSTC + 4.1%/NĂM	3/2/2026	7
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1000	BIDL2634002C	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 1.65%/NĂM, NẾU TCHP KHÔNG MUA LẠI VÀO NGÀY THỰC HIỆN MUA LẠI, LS TỬ KỶ THỨ 11 = LSTC + 3.32%/NĂM	3/2/2026	8
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	316	BIDL2636003C	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 1.65%/NĂM, NẾU TCHP KHÔNG MUA LẠI VÀO NGÀY THỰC HIỆN MUA LẠI, LS TỬ KỶ THỨ 11 = LSTC + 2.65%/NĂM	3/2/2026	10
CTCP XÂY DỰNG COTECCONS	XÂY DỰNG	1400	CTD126006	CÔNG CHỨNG	9%/NĂM	30/1/2026	3
CTCP THIÊN PHÚC INVEST	BẤT ĐỘNG SẢN	80	TP112601	RIÊNG LẺ	2 KỶ ĐẦU: 11.5%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LS CƠ SỞ KHON 12T VND (OCB) + 3.5%/NĂM	6/2/2026	3
CT TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC	TÀI CHÍNH	450	EVF12601	RIÊNG LẺ	8.5%/NĂM	23/3/2026	8
CT TNHH ĐẦU TƯ MARINA CENTER	BẤT ĐỘNG SẢN	10196	MAR12601	RIÊNG LẺ	LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU THEO CÁC KỶ NHƯ SAU: 20/03/2026 - 01/04/2026: 4%/NĂM 01/04/2026 - 01/01/2027: 4.5%/NĂM 01/01/2027 - 01/04/2027: 6.5%/NĂM	20/3/2026	10
NHTMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGÂN HÀNG	2282	HDBC7Y263301	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 2.5%/NĂM	20/3/2026	7
NHTMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGÂN HÀNG	2412	HDBC8Y263401	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 2.7%/NĂM	20/3/2026	8
CTCP CHỨNG KHOÁN MB	CHỨNG KHOÁN	970	MBS12601	RIÊNG LẺ	2 KỶ ĐẦU: 7.4%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTC + 2.2%/NĂM	19/3/2026	2
CT TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT	BẤT ĐỘNG SẢN	3600	PDA12602	RIÊNG LẺ	11%/NĂM	26/3/2026	1
CT TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT	BẤT ĐỘNG SẢN	2000	PDA12601	RIÊNG LẺ	4 KỶ ĐẦU: 11%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTC + 2.01%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 11%/NĂM	26/3/2026	2
CTCP THỜI ĐẠI MỚI T&T	BẤT ĐỘNG SẢN	8000	NTJ12601	RIÊNG LẺ	10.5%/NĂM	31/3/2026	4
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	15	LPB7Y202501	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 2.5%/NĂM	30/3/2026	7
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	1002	LPB8Y202502	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 2.7%/NĂM	30/3/2026	8
NHTMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM	NGÂN HÀNG	0	LPB10Y202503	CÔNG CHỨNG	BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 2.9%/NĂM	30/3/2026	10
CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT	CHỨNG KHOÁN	70	VDS12601	RIÊNG LẺ	8.5%/NĂM	4/3/2026	1
NHTMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	NGÂN HÀNG	1000	VPB12601	RIÊNG LẺ	8%/NĂM	6/4/2026	3
CTCP CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG	CHỨNG KHOÁN	1000	TCXPO2628001	CÔNG CHỨNG	KỶ ĐẦU: 8%/NĂM, CÁC KỶ SAU = BÌNH QUẢN LSTK 12T VND (VCB, BIDV, VIETIN, AGRU) + 2.7%/NĂM	1/4/2026	2
CTCP TRANSIMEX	CÔNG NGHIỆP	400	TMS426010	CÔNG CHỨNG	7%/NĂM	27/3/2026	2
CTCP VINHOMES	BẤT ĐỘNG SẢN	6000	VHM12601	RIÊNG LẺ	2 KỶ ĐẦU: 12.5%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTC + 2%/NĂM	13/4/2026	3
NHTMCP NAM Á	NGÂN HÀNG	250	NAB12601	RIÊNG LẺ	LSTC + 2.6%/NĂM	31/3/2026	7

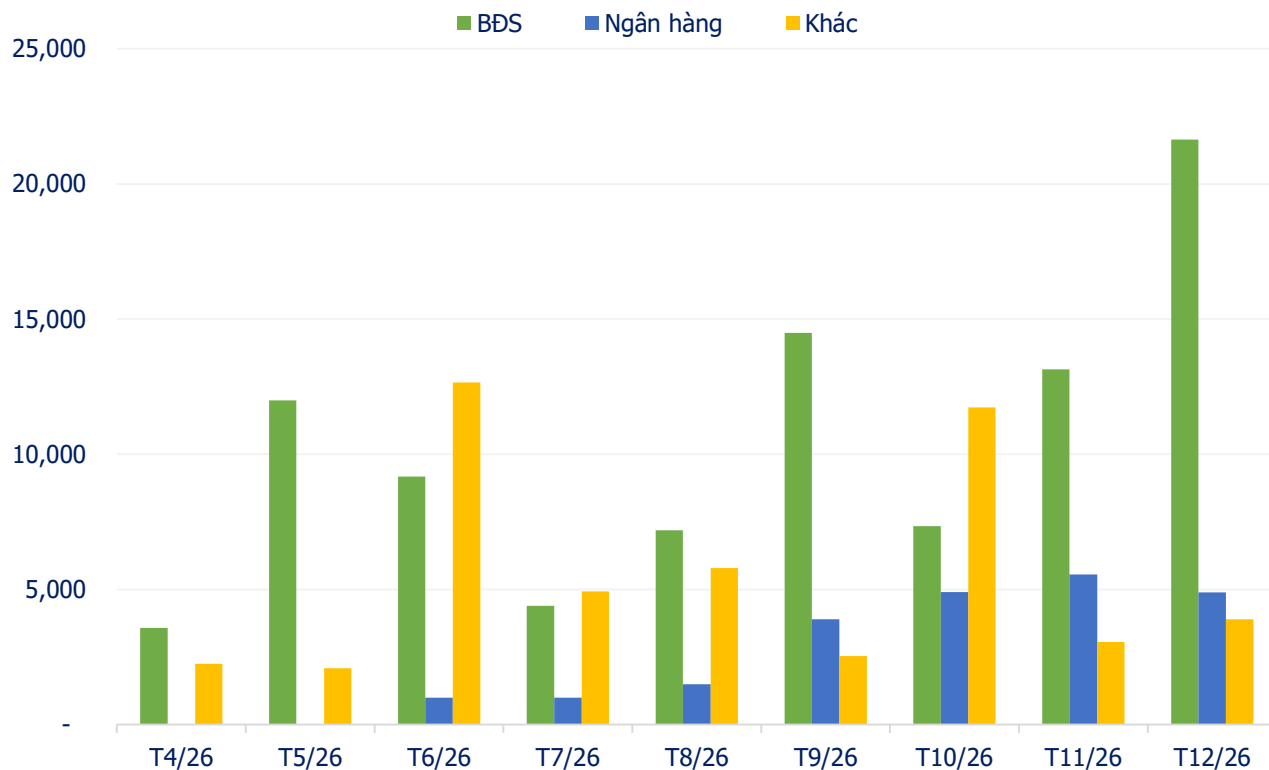
Báo cáo tuần

Phụ lục 3

Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn trong tuần (20/4 - 26/4/2026)

STT	TÊN CÔNG TY	NHÓM NGÀNH	GHPH (TỶ ĐỒNG)	GT CÒN LẠI (TỶ ĐỒNG)	MÃ TRÁI PHIẾU	NGÀY PHÁT HÀNH	NGÀY ĐÁO HẠN
1	CTCP CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG	CHỨNG KHOÁN	1000	1000	ORSH2126001	20/04/2021	20/04/2026
2	CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XUÂN ĐỈNH	XÂY DỰNG	1200	1200	XDCCH2126003	22/04/2021	22/04/2026
3	CTCP THƯƠNG MẠI DU LỊCH ĐẦU TƯ CỬ LAO CHÀM	BẤT ĐỘNG SẢN	576	576	CHACB2426001	21/10/2024	21/04/2026

Giá trị TPDN đáo hạn 2026



Báo cáo tuần

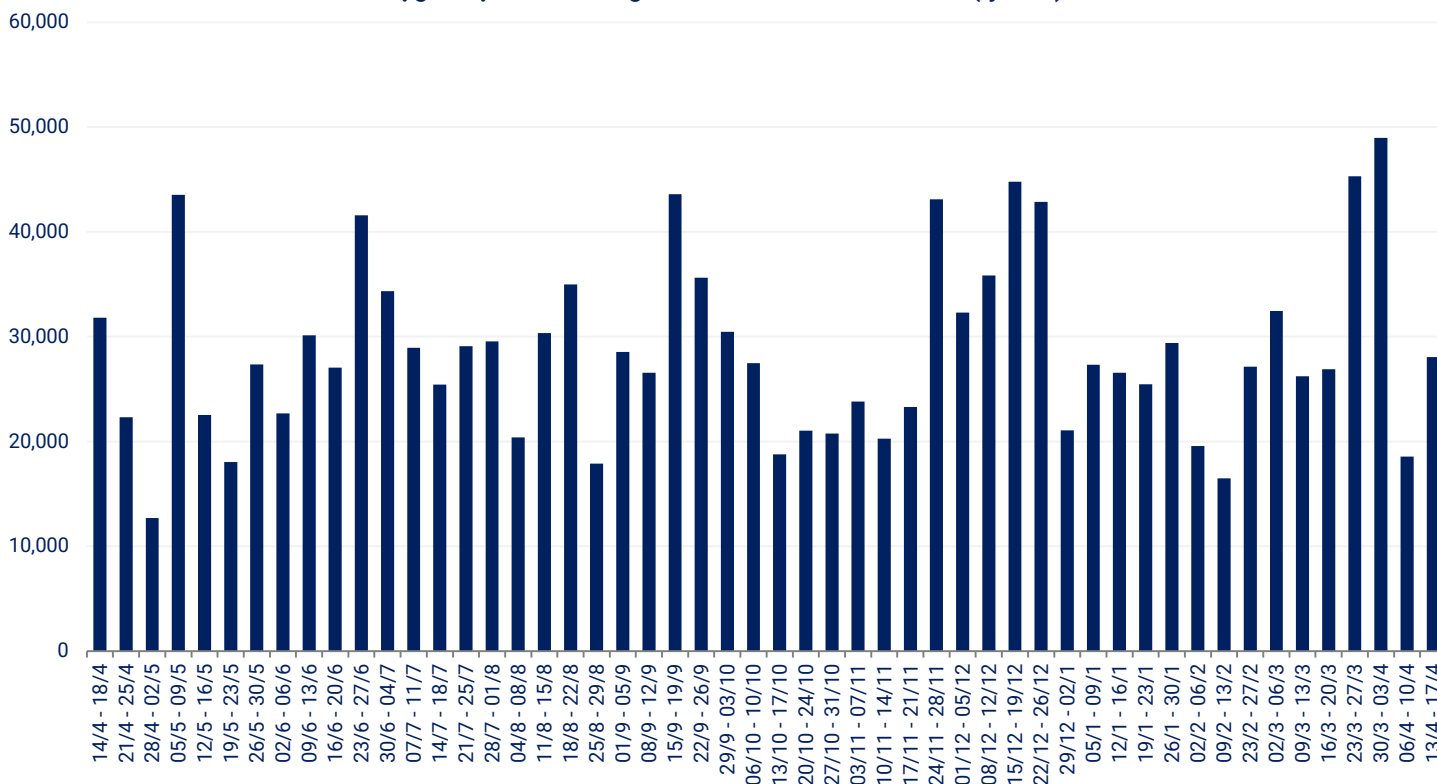
Phụ lục 4

Công bố thông tin bất thường về Trái phiếu doanh nghiệp trong tuần (13/4 - 17/4/2026)

Ngày đăng tin	Tên doanh nghiệp	Mã TP liên quan	Loại tin	Nội dung tin
6/4/2026	CTCP Đầu tư TDG Global	TDGH2326001	Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu	Chậm thanh toán 40 tỷ gốc

Tổng GTGD trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ năm 2025 - 2026 theo tuần (tỷ VND)



* Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày công bố thông tin từ HNX, tính đến ngày 17/4/2026

Báo cáo tuần

Phụ lục 5

Danh mục các từ viết tắt

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	1W	1 tuần
2	BDS	Bất động sản
3	CNY	Đồng nhân dân tệ Trung Quốc
4	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
5	CT TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
6	CTCP	Công ty Cổ phần
7	đcb	điểm cơ bản
8	DNPB	Doanh nghiệp phát hành
9	Fed	Cục Dự trữ Liên bang
10	FOMC	Ủy ban Thị trường mở Liên bang
11	GBP	Đồng bảng Anh
12	GT	Giá trị
13	GTĐT	Giá trị đặt thầu
14	GTGD	Giá trị giao dịch
15	GTGT	Giá trị gọi thầu
16	GTTT	Giá trị trúng thầu
17	HDQT	Hội đồng quản trị
18	HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
19	JPY	đồng Yên Nhật Bản
20	KBNN	Kho bạc nhà nước
21	KH	Kế hoạch
22	LS	Lãi suất
23	LS Giao dịch	Lãi suất giao dịch
24	LSTC	Lãi suất tham chiếu
25	LSTK	Lãi suất tiết kiệm
26	LSTT	Lãi suất trúng thầu
27	Mã TP	Mã trái phiếu
28	NĐTNN	Nhà đầu tư nước ngoài
29	NHNN	Ngân hàng nhà nước
30	NHTM	Ngân hàng thương mại
31	NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
32	NN	Nước ngoài
33	OMO	Nghiệp vụ thị trường mở
34	ON	qua đêm
44	PPI	Chỉ số giá sản xuất
35	RHS	trục phải
36	SSC	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
37	TBN	Trung bình ngày
38	TCPH	Tổ chức phát hành
39	TPCP	Trái phiếu chính phủ
40	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
41	TSĐB	Tài sản đảm bảo
42	VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam
43	VND	Vietnam Dong



Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,
xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3974 8781

Fax: (84) 4 3974 8782

Website: <http://www.vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.